

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN V  
TỈNH VĨNH LONG**

Bản án số: 08/2019/HNGĐ - ST

Ngày: 30 – 01 – 2019

*“ V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình ”*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH VĨNH LONG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Quế Hương.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Ông Nguyễn Văn Móm Em.

2/ Bà Nguyễn Thị Ngọc Trâm.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trương Tuyết Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Long:** không tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 24/2019/TLST - HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2019 về “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2019/QĐXX - ST ngày 14 tháng 01 năm 2019, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị **Lê Thị Tuyết L** – sinh năm: 1975 (Có mặt).

**- Bị đơn:** Anh **Trần Văn Th** – sinh năm: 1975 (Vắng, có đơn xin vắng mặt ngày 14/01/2019).

Cùng địa chỉ cư trú: ấp T, xã T.B, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Nguyên đơn chị Lê Thị Tuyết L trình bày:**

**- Về mối quan hệ hôn nhân:** Chị và anh Th hôn nhân hình thành là do quen biết, được gia đình cha mẹ hai bên đồng ý rồi tiến tới hôn nhân có tổ chức đám cưới vào năm 1993 nhưng không có đăng ký kết hôn.

Sau ngày cưới chị và anh Th sống chung bên gia đình cha mẹ ruột của anh Th được 03 năm, sau đó chị và anh Th ra riêng tự lập. Thời gian đầu chị và anh Th chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do anh

Th đi nhậu về kiểm chuyện la mắng vợ con, không quan tâm đến gia đình, ngoài ra anh Th còn có người phụ nữ khác bên ngoài chị có khuyên nhưng anh Th không sửa đổi.

Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Th.

- *Về con chung*: Có 02 con chung tên Trần Thị Hoa M, sinh ngày 13/8/1994 và Trần Quốc T, sinh ngày 15/9/1999. Hiện hai con chung đã thành niên không yêu cầu tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung; nợ phải thu, phải trả*: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**\* Bị đơn anh Trần Văn Th trình bày:**

- *Về mối quan hệ hôn nhân*: Anh và chị L hôn nhân hình thành là do mai mối có tổ chức đám cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cự cãi. Chị L nói anh có người phụ nữ khác là không có.

Nay với yêu cầu xin ly hôn của chị L thì anh cũng đồng ý.

- *Về con chung*: Có 02 con chung tên Trần Thị Hoa M, sinh ngày 13/8/1994 và Trần Quốc T, sinh ngày 15/9/1999. Hiện hai con chung đã thành niên không yêu cầu tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung; nợ phải thu, phải trả*: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Nguyên đơn đã nộp cho Tòa án gồm*: Quyết định đình chỉ; giấy khai sinh.

- *Bị đơn đã nộp*: Bảng khai ý kiến; Đơn xin vắng mặt; Chứng minh nhân dân.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu và quan điểm của mình.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Lê Thị Tuyết L có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Long giải quyết ly hôn giữa chị và anh Trần Văn Th. Theo quy định tại khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện V.

Anh Trần Văn Th có đơn đề nghị Tòa án xử vắng mặt. Căn cứ vào điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Chị Lê Thị Tuyết L và anh Trần Văn Th chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1993 đến nay. Nay chị L và anh Th đồng ý chấm dứt quan hệ vợ chồng. Nhưng anh, chị không có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân nơi cư trú theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên anh chị không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3] Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên Trần Thị Hoa M, sinh ngày 13/8/1994 và Trần Quốc T, sinh ngày 15/9/1999. Hiện hai con chung đã thành niên không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung; nợ chung phải thu, phải trả: Chị L, anh Th thống nhất anh chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Án phí sơ thẩm: Buộc chị Lê Thị Tuyết L phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 3; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14; Điều 15; Điều 53; Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 3; Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- *Về mối quan hệ hôn nhân*: Không công nhận chị Lê Thị Tuyết L và anh Trần Văn Th là vợ chồng.

- *Về con chung*: Cháu Trần Thị Hoa Mi, sinh ngày 13/8/1994 và cháu Trần Quốc T, sinh ngày 15/9/1999. Hiện nay đã thành niên không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về tài sản chung; nợ chung phải thu, phải trả*: Chị Lê Thị Tuyết L và anh Trần Văn Th không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về án phí sơ thẩm*:

+ Buộc chị Lê Thị Tuyết L phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí sơ thẩm về hôn nhân và gia đình nhưng được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số N<sup>0</sup> 0009530 ngày 10 tháng 01 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V. Chị Lê Thị Tuyết L đã nộp đủ không phải nộp thêm.

+ Anh Trần Văn Th không phải nộp án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Quế Hương**